

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 311/2024/HCPT

Ngày 28 tháng 5 năm 2024

V/v “*khieu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính, bồi thường thiệt
hại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;
Ông Trần Quang Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 27/2024/TLPT - HC ngày 10 tháng 01 năm 2024, về việc “*Khieu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HCST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có kháng cáo giữa:

Người khởi kiện: Ông Dương Quang T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Bùi Đức H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T1, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội, có mặt.

Người bị kiện:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Đường H1, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim T2, Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Đ1, Chức vụ: Phó giám đốc Sở (Theo Văn bản ủy quyền số 1133/UQ-STNMT ngày 21/4/2022); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Thành H2, chức vụ: Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Khu Đ1, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Tổ dân phố X1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T3, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thái D, chức vụ: Phó Chủ tịch, vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y: Ông Nguyễn Ngọc T3; địa chỉ Tổ dân phố X2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thái D, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chi cục thuế khu vực V1, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Tổ dân phố X3, thị trấn V1, huyện V1, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình V2, Chức vụ: Chi cục trưởng; vắng mặt.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T4, Chức vụ: Phó Chi cục trưởng; vắng mặt.

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Khu Đ1, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy H3, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P1, chức vụ: Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Y; vắng mặt.

- Văn phòng Công chứng Vĩnh Phúc; địa chỉ: Tổ dân phố X1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Văn B, chức vụ: Trưởng văn phòng; vắng mặt.

- Công ty cổ phần E; địa chỉ: Tòa nhà K1, đường M, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K2, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn X4, xã Đ2, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- Bà Ngô Thị L1, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Ông Phan Văn T6, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố X5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố X5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T7: Ông Phan Văn T6, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố X5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Chị Phan Thị A, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố X5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị A: Ông Phan Văn T6, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố X5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Ông Phạm Văn T8, sinh năm 1974; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ3, xã B1, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của người khởi kiện, ông Dương Quang T trình bày:

Ngày 14/8/2020, vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng của hộ gia đình ông Phan Văn T6 và bà Nguyễn Thị T7 cùng con là Phan Thị A, hộ khẩu thường trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 29 diện tích 504m² địa chỉ thửa đất tại Khu Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, mục đích sử dụng để sản xuất nông nghiệp.

Ngày 23/10/2020, vợ chồng ông T tiếp tục nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T8, địa chỉ thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc thửa đất số 117⁽²⁾ diện tích 236m² và

thửa số 118⁽²⁾ diện tích 88m² tờ bản đồ số 29, tại khu Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, mục đích để sản xuất nông nghiệp.

Khi vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của hộ gia đình ông Phan Văn T6 và ông Phạm Văn T8 có làm hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng X6, địa chỉ Khu 3 X1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau khi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, ngày 16/10/2020 vợ chồng ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số CX 849708 cho thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77 diện tích 211,3m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CX 849707 cho thửa đất số 91, tờ bản đồ số 77 diện tích 106m². Ngày 9/2/2020, vợ chồng ông tiếp tục được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 966759 cho thửa đất số 28, tờ bản đồ số 77, diện tích 506,1m². Cả 3 thửa đất đều có địa chỉ tại Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau khi được nhà nước cấp giấy chứng quyền sử dụng đất và ghi vào sổ địa chính theo đúng quy định của pháp luật cho vợ chồng ông, thì UBND huyện Y thực hiện việc thu hồi đất với 03 thửa đất này của gia đình ông để giao cho chủ đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề M1. Tuy nhiên, trong suốt quá trình này gia đình ông không nhận được bất kỳ thông báo thu hồi đất cũng như quyết định thu hồi đất nào của UBND huyện Y, nên ông đã nhiều lần làm đơn đề nghị UBND huyện thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường khi nhà nước thu hồi diện tích đất trên của gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật, nhưng đến nay UBND huyện Y vẫn không thực hiện.

Ngày 26/4/2021, ông nhận được Quyết định số 171/QĐ-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc ban hành về việc thu hồi và hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nêu trên và UBND huyện Y không thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông với lý do:

Thứ nhất, cả bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng cũng như đối tượng chuyển nhượng đều đáp ứng đầy đủ các điều kiện pháp luật quy định về điều kiện chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng này đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật nội dung và pháp luật về trình tự, thủ tục chuyển nhượng được quy định trong Luật Đất đai năm 2013, Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) và các văn bản pháp lý liên quan.

Thứ hai, vợ chồng ông đã nhận chuyển nhượng các thửa đất số 28, 90, 91 tờ bản đồ số 77, tại Đ4, thị trấn Y, huyện Y đúng trình tự, thủ tục đầy đủ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan. Việc để xảy ra sai phạm, thiếu sót dẫn tới việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông do vướng quy hoạch là lỗi của Sở Tài nguyên và Môi trường, không phải lỗi của vợ chồng ông. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc phải chịu trách nhiệm pháp lý về vấn đề này và bồi thường các thiệt hại cho gia đình ông do hành vi vi phạm pháp luật này gây ra.

Thứ ba, việc UBND huyện Y không bồi thường khi thu hồi các thửa đất số 28, 90, 91 tại khu Đ4, thị trấn Y trên cho vợ chồng ông là vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm tước đoạt quyền được bồi thường đất và tài sản trên đất của gia đình ông. Bởi gia đình ông đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thông qua việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng theo đúng quy định của pháp luật, nên hợp đồng này có giá trị pháp lý. Sau khi thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất này, gia đình ông đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi vào Sổ địa chính. Theo quy định của pháp luật thì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình ông được thực hiện hợp pháp theo quy định của pháp luật, nên thửa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông. Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc vi phạm trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông với các thửa đất này không thể làm mất đi quyền sử dụng hợp pháp và quyền được bồi thường khi nhà nước thu hồi thửa đất này của gia đình ông.

Do đó, ông Dương Quang T có đơn khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 171/QĐ-STNMT ngày 26/4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc (viết tắt là Quyết định số 171/QĐ-STNMT) về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 tại Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Công nhận 3 thửa đất số 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông và buộc UBND huyện Y phải bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với việc thu hồi 03 thửa đất số 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 tại Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

- Buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc phải bồi thường thiệt hại cho ông do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng sau đó thu hồi gồm các khoản sau: Tiền gửi bảo đảm tài liệu đến các cơ quan nhà nước đề nghị xem xét việc hủy bìa đồ là 1.000.000 đồng; phô tô tài liệu giấy tờ trong 03 năm đi đề nghị giải quyết là 4.000.000 đồng; 03 năm không được canh tác là 06 vụ lúa, mỗi vụ lúa = 600kg thóc, tổng là 3.600kg x giá 8.000.000 đồng/1000kg = 28.800.000 đồng; thuê người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp khi đi khởi kiện = 20.000.000 đồng; tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ = 3.000.000 đồng; Tiền công mất thu nhập do đi đề nghị giải quyết + xăng xe + thuê tắc xi tổng 5.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản là 61.800.000 đồng nhưng ông chỉ đề nghị bồi thường 50.000.000 đồng; buộc UBND huyện Y phải bồi thường thiệt hại cho ông **30.000.000 đồng là khoản tiền lãi** đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ đáng lẽ ra ông phải được nhận từ cách đây 03 năm nhưng do UBND huyện Y xác định đối tượng được bồi thường không đúng nên ông không được nhận.

- Hủy quyết định thu hồi, quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với 03 thửa đất số 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 tại khu Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc do không đúng đối tượng sử dụng đất là vợ chồng ông. Hủy phê duyệt quyết định phương án bồi thường 03 thửa đất số 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 tại khu Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc do không đúng đối tượng sử dụng đất là vợ chồng ông. Hủy các quyết định cưỡng chế; thông báo kiểm đếm bắt buộc; quyết định kiểm đếm bắt buộc; quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc; danh sách quy chủ; thông báo lấy ý kiến về phương án bồi thường 03 thửa đất số 28, 90, 91 tờ bản đồ số 77 tại

khu Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc do không đúng đối tượng sử dụng đất là vợ chồng ông và không đúng pháp luật. Tuyên bố hành vi ban hành thông báo kiểm đếm bắt buộc, quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc, thông báo lấy ý kiến về phương án bồi thường, quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi liên quan đến việc thu hồi 03 thửa đất số 28, 90, 91 tờ bản đồ số 77 tại khu Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc do quyết định thu hồi không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc trình bày:

Ngày 17/12/2018, UBND huyện Y có Thông báo thu hồi đất số 171/TB-UBND (viết tắt là Thông báo số 171/TB-UBND) để thực hiện công trình Cụm công nghiệp M1, huyện Y, theo đó, 02 thửa đất lúa của ông Phạm Văn T8 (theo Bản đồ 299 là các thửa đất số 117, 118, tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số phát hành B 996380 ngày 26/9/2000) và 01 thửa đất lúa của ông Phan Văn T6 (theo Bản đồ 299 là thửa đất số 114), tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện V3 cấp GCNQSDĐ số phát hành B 996954 ngày 28/02/1993) nằm trong danh sách các thửa đất bị thu hồi ban hành kèm theo Thông báo số 171/TB-UBND.

Năm 2020, ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1 nhận chuyển nhượng 03 thửa đất lúa đã có thông báo thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kể trên. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cấp GCNQSDĐ trường hợp nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp, ông T, bà L1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp GCNQSDĐ số phát hành CX 849708 ngày 16/10/2020 tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77 (theo Bản đồ 299 là thửa đất số 117); GCNQSDĐ số phát hành CX 849707 ngày 16/10/2020 tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 77 (theo Bản đồ 299 là thửa đất số 118); GCNQSDĐ số phát hành CY 966759 ngày 09/02/2021 tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 77 (theo Bản đồ 299 là thửa đất số 114).

Ngày 26/04/2021, sau khi xem xét hồ sơ do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y cung cấp, đối chiếu quy định pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện việc cấp cho ông T, bà L1 chưa đảm bảo quy định pháp luật nên đã thông báo lý do cho người sử dụng đất và có Quyết định số 171/QĐ-STNMT về việc thu hồi và hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1 tại thị trấn Y, huyện Y theo quy định.

Quan điểm của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc về yêu cầu của người khởi kiện:

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 171/QĐ-STNMT và công nhận quyền sử dụng đất cho ông T:

Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định trường hợp không cấp GCNQSDĐ: “*Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”. Vậy 03 thửa đất lúa ông T, bà L1 nhận chuyển nhượng đã có thông báo thu hồi của UBND huyện Y thì không được cấp GCNQSDĐ theo quy định.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định về các trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP 15/05/2014 của

Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ (quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ thì có thẩm quyền quyết định thu hồi GCNQSDĐ đã cấp không đúng quy định và thủ tục thực hiện); khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (quy định về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường) thì việc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 171/QĐ-STNMT ngày 26/4/2021 về việc thu hồi và hủy GCNQSDĐ cấp đất cho ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1 tại thị trấn Y, huyện Y là đúng quy định pháp luật đất đai.

Nay ông T yêu cầu hủy Quyết định số 171/QĐ-STNMT là không có cơ sở pháp luật đề nghị bác yêu cầu này của ông T.

Về yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc bồi thường thiệt hại:

Sau khi ban hành Quyết định số 171/QĐ-STNMT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Văn bản số 1302/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 13/5/2021 về việc hoàn thuế, phí, lệ phí đối với thủ tục đăng ký biến động đất đai. Văn phòng đăng ký chi nhánh huyện Y thực hiện hoàn trả lại cho người dân các khoản phí, lệ phí cấp GCNQSDĐ theo quy định và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc đã có Văn bản số 504/VPĐKĐĐCNYL ngày 11/06/2021 gửi Chi cục thuế khu vực V1 hướng dẫn, hoàn thuế cho người dân. Cơ quan thuế đã 02 lần mời ông T, bà L1 đến làm việc để hướng dẫn và lập hồ sơ hoàn thuế theo quy định (Văn bản mời số 403/CCTKV-NVT ngày 18/06/2021, Văn bản mời số 563/CCTKV-NVT ngày 21/07/2021). Tuy nhiên, ông T và bà L1 không phối hợp đến làm việc.

Ông Thủy, bà L1 sau khi nhận chuyển nhượng không phát sinh giao dịch tiếp tục đối với các thửa đất nêu trên, việc cấp GCNQSDĐ và thu hồi, hủy theo quy định không làm phát sinh bất cứ thiệt hại hoặc xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp thực tế của ông T. Do vậy việc yêu cầu bồi thường là không có cơ sở, đề nghị giải quyết bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông T đối với Sở Tài nguyên và Môi trường.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc trình bày:

Dự án Cụm công nghiệp làng nghề M1 thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Dự án được thường trực tỉnh ủy đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng tại Thông báo số 227-TB/TU ngày 06/4/2016; UBND tỉnh Vĩnh Phúc đồng ý chủ trương điều chỉnh quy hoạch Cụm công nghiệp M1 tại Văn bản số 5934/UBND-CN3 ngày 30/8/2016.

Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2017 về việc chấp thuận thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình năm 2018 trên địa bàn tỉnh, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại Văn bản số 1567/TTg-NN ngày 09/11/2018 và đã có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các năm 2019, 2020, 2021 của huyện Y.

Công ty cổ phần E được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp M1 theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc với quy mô 33,3ha (tên cũ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K3).

Ngày 17/12/2018, UBND huyện Y ban hành Thông báo số 171/TB-UBND thông báo thu hồi đất thực hiện công trình Cụm công nghiệp M1, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, trong đó có các thửa đất số 28, 90, 91 tờ bản đồ số 77, tại thị trấn Y.

Ngày 20/12/2018, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng và phát triển quỹ đất (viết tắt là Ban bồi thường GPMB & PTQĐ) huyện phối hợp với UBND thị trấn Y họp với các hộ dân có đất bị thu hồi để thông báo chủ trương thu hồi đất, phổ biến các chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước đến các hộ dân, trong đó có hộ ông Phan Văn T6 (người có đất bị thu hồi sau đó chuyển nhượng cho ông Dương Quang T khi đã có thông báo thu hồi đất của UBND huyện).

UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 3954/QĐ-UBND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 về việc thu hồi đất thực hiện dự án Cụm công nghiệp làng nghề M1, huyện Y; Quyết định số 3955/QĐ-UBND ngày 12/8/2021, Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư dự án Cụm công nghiệp làng nghề M1, huyện Y; trong đó có các thửa đất số 28, 90, 91 tờ bản đồ số 77, tại thị trấn Y.

Toàn bộ quy trình, thủ tục về thu hồi đất, quy chủ, kiểm đếm tài sản thu hồi, lập phương án bồi thường hỗ trợ (viết tắt là BTHT), phê duyệt phương án BTHT và thực hiện việc BTHT, tái định cư để thực hiện dự án được UBND huyện Y thực hiện theo đúng quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có đất bị thu hồi nên không đồng ý với yêu cầu đề nghị và yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y trình bày:

Ngày 17/12/2018, UBND huyện Y ban hành Thông báo số 171/TB-UBND thu hồi đất (viết tắt là Thông báo số 171/TB-UBND) để thực hiện công trình: Cụm công nghiệp M1, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; địa điểm: Thị trấn Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Dự kiến diện tích thu hồi: 140.743,8m². Sau khi ban hành thông báo thu hồi đất, UBND huyện Y đã giao Ban bồi thường GPMB và PTĐT phối hợp với UBND thị trấn Y tổ chức niêm yết công khai Thông báo số 171/TB-UBND; tổ chức hội nghị tuyên truyền, vận động hộ gia đình có đất trong phạm vi của dự án phối hợp kiểm kê để thực hiện GPMB dự án Cụm công nghiệp M1.

* Đối với thửa số 29 (bản đồ thu hồi), diện tích 534,4m², tương ứng với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 77 (Bản đồ VN 2000), quy chủ sử dụng hộ ông Phan Văn T6, khu 3 Trung, thị trấn Y:

Ngày 12/4/2021, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1152/QĐ-UBND về việc kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Phan Văn T6.

Ngày 11/6/2021, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 2869/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Phan Văn T6.

Ngày 18/6/2021, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y ban hành Kế hoạch số 148/KH-HĐBT về cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với 12 hộ gia đình chưa phối hợp kiểm kê, kiểm đếm đất đai, cây cối, tài sản trên đất thuộc phạm vi xây dựng dự án: Cụm công nghiệp làng nghề M1, trong đó có hộ gia đình ông Phan Văn T6.

Ngày 12/8/2021, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 3954/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (đợt 4) để thực hiện công trình: Cụm công nghiệp làng nghề M1; Quyết

định số 3955/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 4) công trình: Cụm công nghiệp làng nghề M1, địa điểm: Thị trấn Y, huyện Y (trong đó có hộ ông Phan Văn T6). Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được niêm yết công khai UBND thị trấn Y và Nhà Văn hóa thôn R 20 ngày; trong thời gian niêm yết, không có hộ dân nào có thắc mắc về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 21/9/2021, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 4590/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phan Văn T6.

Ngày 30/9/2021, Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức vận động, đối thoại với hộ ông Phan Văn T6.

Ngày 04/10/2021, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất về thời gian thực hiện phương án cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 07/10/2021, UBND huyện tổ chức cưỡng chế quyết định thu hồi đất, dự án: Cụm công nghiệp làng nghề M1 đối với hộ ông Phan Văn T6.

* Đối với thửa số 10.33 (bản đồ thu hồi), diện tích 236m², tương ứng với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77 (Bản đồ VN 2000); thửa số 10.36 (bản đồ thu hồi), diện tích 88m², tương ứng với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 77 (Bản đồ VN 2000) quy chủ sử dụng đất: hộ ông Phạm Văn T8, khu X5, thị trấn Y:

Ngày 23/2/2022, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 582/QĐ-UBND về việc kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Phạm Văn T8;

Ngày 25/3/2022, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 902/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Phạm Văn T8;

Ngày 20/4/2022, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y ban hành Kế hoạch số 350/KH-HĐBT về cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với 05 hộ gia đình chưa phối hợp kiểm kê, kiểm đếm đất đai, cây cối, tài sản trên đất thuộc phạm vi xây dựng dự án; trong đó có hộ ông Phạm Văn T8.

Ngày 10/6/2022, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1817/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (đợt 8) để thực hiện công trình: Cụm công nghiệp làng nghề M1, địa điểm: Thị trấn Y, huyện Y; Quyết định số 1818/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 8) công trình: Cụm công nghiệp làng nghề M1, địa điểm: Thị trấn Y, huyện Y (trong đó có hộ ông Phạm Văn T8). Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được niêm yết công khai UBND thị trấn Y và Nhà Văn hóa thôn R 20 ngày; trong thời gian niêm yết, không có hộ dân nào có thắc mắc về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 17/7/2022, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 2255/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn T8.

Toàn bộ quy trình, thủ tục về thu hồi đất, quy chủ, kiểm đếm tài sản thu hồi, lập phương án BTHT, phê duyệt phương án BTHT và thực hiện việc bồi thường hỗ trợ, tái định cư và Chủ tịch UBND huyện Y ban hành các quyết định, các thông báo liên quan đến 03 thửa đất số 28, 90, 91 tờ bản đồ số 77 tại khu Đ4 là đúng quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chi cục thuế khu vực V1 trình bày:

Chi cục thuế khu vực V1 nhận được 03 Phiếu chuyển thông tin địa chính số: 3871/PCTTĐC ngày 17/9/2020; Phiếu chuyển thông tin địa chính số: 3878/PCTTĐC ngày 17/9/2020; Phiếu chuyển thông tin địa chính số: 468/PCTTĐC ngày 29/01/2021 đều của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y kèm theo hồ sơ địa chính chuyển đến Chi cục thuế khu vực V1 để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Cụ thể:

1. Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 3871/PCTTĐC ngày 17/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y chuyển đến cơ quan thuế có nội dung: Thửa đất số: 90; tờ bản đồ số: 77; diện tích thửa đất: đất LUC 106m²; địa chỉ thửa đất tại: Xứ Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh phúc; vị trí thửa đất: Theo bảng giá đất nông nghiệp. Thời hạn sử dụng: đất LUC, sử dụng đến ngày 15/10/2063. Hồ sơ kèm theo (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất).

2. Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 3878/PCTTĐC ngày 17/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y chuyển đến cơ quan thuế có nội dung: Thửa đất số: 91; tờ bản đồ số: 77; diện tích thửa đất: đất LUC: 221,3m²; địa chỉ thửa đất tại: Xứ Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh phúc; vị trí thửa đất: Theo bảng giá đất nông nghiệp; thời hạn sử dụng: đất LUC, sử dụng đến ngày 15/10/2063. Hồ sơ kèm theo (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Văn bản cam kết tài sản riêng).

3. Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 468/PCTTĐC ngày 20/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y chuyển đến cơ quan thuế có nội dung: Thửa đất số: 28; tờ bản đồ số: 77; diện tích thửa đất: đất LUC: 506,1m²; địa chỉ thửa đất tại: Xứ Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh phúc; vị trí thửa đất: Theo bảng giá đất quy định tại Quyết định số 62/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Vĩnh phúc; thời hạn sử dụng: đất LUC, sử dụng đến ngày 15/10/2063. Hồ sơ kèm theo (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất).

Theo hồ sơ, tài liệu địa chính, do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Y chuyển đến, thì tiền thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản của ông Dương Quang T và bà Ngô Thị L1 được xác định như sau:

1. Thửa đất số 91; tờ bản đồ số 77; diện tích: 106m² giá trị ghi trong hợp đồng là 5.000.000 đồng; thuế thu nhập cá nhân (viết tắt là thuế TNCN) phải nộp: $106\text{m}^2 \times 60.000 = 6.360.000 \times 2\% = 127.200$ đồng; lệ phí trước bạ phải nộp: $106\text{m}^2 \times 60.000 = 6.360.000 \times 0,5\% = 31.800$ đồng.

2. Thửa đất số 90; tờ bản đồ số 77; diện tích 221,3m² giá trị ghi trong hợp đồng 14.000.000 đồng; Chi cục thuế tính theo giá trị ghi trong hợp đồng; thuế TNCN phải nộp: $14.000.000 \times 2\% = 280.000$ đồng; lệ phí trước bạ phải nộp: $14.000.000 \times 0,5\% = 70.000$ đồng.

3. Thửa đất số 28; tờ bản đồ số 77; diện tích 506,1m² giá trị ghi trong hợp đồng là 15.000.000 đồng; thuế TNCN phải nộp: $506,1\text{m}^2 \times 60.000 = 30.366.000 \times 2\% = 607.320$ đồng; lệ phí trước bạ: $506,1\text{m}^2 \times 60.000 = 30.366.000 \times 0,5\% = 151.830$ đồng.

Chi cục thuế khu vực V1 đã xác định nghĩa vụ tài chính về thuế và thực hiện việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước đúng quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc trình bày:

* Về yêu cầu hủy Quyết định số 171/QĐ-STNMT và công nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà L1:

Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) quy định trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: “*Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”. Vậy 03 thửa đất lúa ông T, bà L1 nhận chuyển nhượng đã có thông báo thu hồi của UBND huyện Y thì không được cấp GCNQSDĐ theo quy định. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định về các trường hợp phải thu hồi GCNQSDĐ; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ (quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ thì có thẩm quyền quyết định thu hồi GCNQSDĐ đã cấp không đúng quy định và thủ tục thực hiện); khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ (quy định về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường), việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 171/QĐ-STNMT ngày 26/4/2021 về việc thu hồi và hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1 tại thị trấn Y, huyện Y là đúng quy định pháp luật đất đai. Việc ông T có đơn khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định số 171/QĐ-STNMT và yêu cầu công nhận ba thửa đất số 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông là không có đủ căn cứ pháp luật và thực tế để giải quyết.

Mặt khác, tại Điều 6 của 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lúa có chứng nhận của Văn phòng công chứng X6 ngày 23/10/2020, số công chứng 3504/2020, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng ngày 14/8/2020, số công chứng 2559/2020, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD, chủ sử dụng của 03 thửa đất lúa là ông Phạm Văn T8 và ông Phan Văn T6 khẳng định với bên nhận chuyển nhượng là ông T, bà L1 nội dung: “*Quyền sử dụng đất không bị quy hoạch thuộc trường hợp giải phóng mặt bằng...*” “*Đảm bảo tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sự giả mạo về hồ sơ, giấy tờ cung cấp cũng như các hành vi gian lận hay vi phạm pháp luật khác liên quan đến việc ký kết hợp đồng này*”. Trong khi từ ngày 17/12/2018, UBND huyện Y đã có Thông báo số 171/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Cụm công nghiệp M1, huyện Y đối với 03 ô đất trên (có biên bản làm việc nội dung thu hồi kèm theo chữ ký của chủ sử dụng đất). Vậy, bên chuyển nhượng đã cố ý đưa ra thông tin thừa đất sai lệch khi thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng với ông T, bà L1.

Căn cứ Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nội dung giao dịch dân sự có thể bị vô hiệu do bị lừa dối, 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên chưa đảm bảo có hiệu lực do chưa đạt được mục đích của giao dịch dân sự theo nhu cầu của ông T, bà L1 là nhận chuyển nhượng thửa đất không bị quy hoạch hoặc thuộc trường hợp bị giải phóng mặt bằng (Điều 117, Điều 118 Bộ luật Dân sự năm 2015). Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng X6 trình bày:

Ngày 14/8/2020, ông Phạm Văn T8 và ông Dương Quang T cùng vợ là bà Ngô Thị L1, cả ba cùng có hộ khẩu thường trú tại: Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đến Văn phòng công chứng X6 để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp (Nhà nước cấp riêng cho ông T8) đã được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Y gia hạn thời hạn sử dụng đất đến ngày 15/10/2063.

Ngày 23/10/2020, hộ ông Phan Văn T6 (cùng vợ là bà D1, con gái là chị A) cùng ông Dương Quang T và vợ là bà Ngô Thị L1, cả năm người cùng có hộ khẩu thường trú tại: Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đến Văn phòng công chứng X6 đề nghị làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp (Nhà nước cấp cho ông T6, bà D1 và chị A) đã được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Y gia hạn thời hạn sử dụng đất đến ngày 15/10/2063.

Căn cứ Điều 188 Luật Đất đai, Văn phòng công chứng X6 thấy quyền sử dụng đất đứng tên Ông Phạm Văn T8 và Ông Phan Văn T6 đủ điều kiện được chuyển nhượng. Sau khi kiểm tra chứng minh nhân dân, hộ khẩu thấy hợp pháp, văn phòng có soạn thảo hợp đồng và cho hai bên ký vào hợp đồng chuyển nhượng. Việc lập hợp đồng chuyển nhượng là đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, tại khoản 2, Điều 1 trong Hợp đồng cũng nêu rõ bên B (tức ông T và bà L1) đồng ý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như hiện trạng và chấp nhận mọi yêu cầu chuyển dịch theo quy hoạch của Nhà nước (nếu có sau này) đối với quyền sử dụng đất đã nhận chuyển nhượng. Tại khoản 1, Điều 6 của Hợp đồng bên A (tức ông T8 và hộ ông T6, bà D1, Chị A) cũng cam đoan quyền sử dụng đất, không có tranh chấp, không bị kê biên để đảm bảo thi hành án; quyền sử dụng đất không bị quy hoạch hoặc thuộc trường hợp bị giải phóng mặt bằng.

Do Văn phòng công chứng X6 không nhận được thông báo thu hồi đất của UBND huyện Y và do các bên đã tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm về việc thỏa thuận tình trạng đất nên Văn phòng công chứng X6 công chứng giao kết cho các bên là đúng quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần E (viết tắt là Công ty E) trình bày:

Căn cứ vào Quyết định số 1081/QĐ- UBND ngày 07/4/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập và giao chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp M1 (sau này đổi tên là cụm công nghiệp làng nghề M1) thì thửa đất số 28 tờ bản đồ quy hoạch diện tích 534,4m² (thửa đất số 114.2 diện tích 504m² theo sổ mục kê); thửa đất số 10.36 tờ bản đồ quy hoạch diện tích 88m² (thửa số 117.2 diện tích 88m² theo sổ mục kê); thửa đất số 10.33 diện tích 236m² tờ bản đồ quy hoạch (thửa số 118.2 diện tích 236m² theo sổ mục kê) đều nằm trong Cụm công nghiệp làng nghề M1.

Năm 2021, UBND huyện Y thực hiện việc cưỡng chế thửa đất số 28, tờ bản đồ quy hoạch diện tích 534,4m² (thửa đất số 114.2 diện tích 504m² theo sổ mục kê)

Ngày 07/12/2021, UBND tỉnh Vĩnh Phúc có Quyết định số 3347/QĐ-UBND về việc giao đất đợt 2 là 17,6ha (trong diện tích này có thửa đất số 28 tờ bản đồ quy hoạch diện tích 534,4m²; thửa đất số 114.2 diện tích 504m² theo sổ mục kê cho Công ty cổ phần E để thực hiện dự án xây dựng kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp làng nghề M1, thị trấn Y và xã N, huyện Y).

Sau khi được giao đất chủ đầu tư thực hiện dự án xây dựng kinh doanh hạ tầng theo quy định. Cụ thể đã xây dựng hạ tầng gồm đường đi, vỉa hè và phân lô đất làng nghề. Vị trí thửa đất số 28 tờ bản đồ quy hoạch diện tích 534,4m² (thửa đất số 28 diện tích 504m² theo sổ mục kê).

Quan điểm của Công ty E là công ty thực hiện dự án xây dựng kinh doanh hạ tầng đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị L1 trình bày: Quan điểm, ý kiến và yêu cầu của bà như quan điểm của ông Dương Quang T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T6, bà Nguyễn Thị T7, chị Phan Thị A trình bày:

Khoảng năm 1994, Nhà nước chia đất ruộng canh tác, hộ gia đình ông T6, bà T7, chị A được chia tổng diện tích 3 sào 6 thước, trong đó có thửa ruộng 504m² ở cánh Đ4. Sau khi được chia ruộng, ông T6, bà T7, chị A canh tác trồng lúa, đến khoảng tháng 10/2020 thì ông T6, bà T7, chị A chuyển nhượng 504m² đất nói trên cho ông Dương Quang T và bà Ngô Thị L1 ở khu 2 Đông, thị trấn Y với giá 130.000.000 đồng/sào, khi đếm tiền gia đình ông T6 cho bớt 5 triệu để ông T, bà L1 làm bì đỏ. Sau đó hai bên ra công chứng và làm thủ tục chuyển nhượng tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y. Đến ngày 16/10/2020 thì ông T, bà L1 được cấp GCNQSDĐ thửa đất nêu trên. Khi chuyển nhượng thửa ruộng trên ông T6, bà T7, chị A và gia đình ông T, bà L1 không biết UBND huyện Y đã có thông báo về việc thu hồi đất nông nghiệp ở cánh Đ4 để làm làng nghề M1 và cũng không được ai thông báo, không đi hỏi ai nên ông T6, bà T7, chị A vẫn chuyển nhượng bình thường. Sau khi chuyển nhượng ông T6, bà T7, chị A nhận được thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc thông báo hủy GCNQSDĐ (thửa đất 504m²) đứng tên ông T, bà L1. Từ sau khi chuyển nhượng thửa đất trên đến nay, ông T6, bà T7, chị A và gia đình ông T không tranh chấp gì. Ông T6, bà T7, chị A đã chuyển nhượng 504m² cho ông T, bà L1, tiền đã nhận đủ, nay ông T6, bà T7, chị A không có yêu cầu đề nghị gì và đồng ý để ông T, bà L1 toàn quyền sử dụng thửa đất 504m².

Sau khi ông T6, bà T7, chị A nhận được thông báo hủy GCNQSDĐ đứng tên ông T, bà L1; ông T6, bà T7, chị A có nhận được thông báo kiểm đếm để bồi thường hỗ trợ thu hồi đất, nhưng vì đã chuyển nhượng thửa ruộng trên cho gia đình ông T, bà L1; không còn là của ông T6, bà T7, chị A nữa nên là ông T6, bà T7, chị A không nhận bất cứ giấy tờ gì kể cả tiền bồi thường hỗ trợ thu hồi đất.

Nay quan điểm của gia đình ông T6, bà T7, chị A là đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn T8 trình bày:

Vào khoảng năm 1994, khi Nhà nước chia đất theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì ông được chia cho 236m² tại thửa đất số 117.2 và 88m² tại thửa đất số 118.2 ở cánh Đ4 thôn R1; hai thửa này Nhà nước chia riêng cho ông không chung với ai khác.

Vào khoảng tháng 10/2020, ông có chuyển nhượng hai thửa đất canh tác trên cho ông Dương Quang T, vợ là Ngô Thị L1 ở Tổ dân phố X, thị trấn Y với giá khoảng hơn 130 triệu đồng, nay ông không nhớ cụ thể, sau đó hai bên ra công chứng và làm thủ tục chuyển nhượng tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y. Đến ngày 16/10/2020, ông T, bà L1 được cấp GCNQSDĐ.

Khi chuyển nhượng thửa ruộng trên, ông T, bà L1 không biết việc UBND huyện Y đã có thông báo về việc thu hồi đất nông nghiệp ở cánh Đ4. Sau khi chuyển nhượng xong ông không nhận được thông báo huỷ GCNQSDĐ đứng tên ông T, bà L1. Từ sau khi chuyển nhượng thửa đất trên, ông và ông T, bà L1 không có tranh chấp gì. Ông đã nhận đủ tiền chuyển nhượng nên không có ý kiến gì. Sau khi chuyển nhượng ông có thấy cán bộ của UBND huyện hay cơ quan nào đó đến đưa giấy và làm việc về thu hồi đất giải phóng mặt bằng nhưng do ông đã bán quyền sử dụng đất cho người khác nên ông không nhận giấy tờ và làm việc với những cán bộ đó.

Quan điểm của ông là đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HCST ngày 14 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1/ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quang T đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 171/QĐ-STNMT ngày 26/4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 tại Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Công nhận 3 thửa đất số 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông. Buộc UBND huyện Y phải bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với việc thu hồi 03 thửa đất số 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 tại Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

- Buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc phải bồi thường thiệt hại cho ông do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng sau đó thu hồi gồm các khoản sau: Tiền gửi bảo đảm tài liệu đến các cơ quan nhà nước đề nghị xem xét việc hủy bìa đỏ là 1.000.000 đồng; phô tô tài liệu giấy tờ trong 03 năm đi đề nghị giải quyết là 4.000.000 đồng; 03 năm không được canh tác là 06 vụ lúa, mỗi vụ lúa = 600kg thóc, tổng là 3.600kg x giá 8.000.000 đồng/1000kg = 28.800.000 đồng; thuê người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp khi đi khởi kiện = 20.000.000 đồng; tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ = 3.000.000 đồng; tiền công mất thu nhập do đi đề nghị giải quyết + xăng xe + thuê tắc xi tổng 5.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 61.800.000 đồng nhưng ông chỉ đề nghị bồi thường 50.000.000 đồng; UBND huyện Y phải bồi thường thiệt hại cho ông 30.000.000 đồng là khoản tiền lãi đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ đáng lẽ ra ông phải được nhận từ cách đây 03 năm nhưng do UBND huyện Y xác định đối tượng được bồi thường không đúng nên ông không được nhận.

- Hủy quyết định thu hồi, quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với 03 thửa đất số 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 tại khu Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc do không đúng đối tượng sử dụng đất là vợ chồng ông. Hủy phê duyệt quyết định phương án bồi thường 03 thửa đất số 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 tại khu Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc do không đúng đối tượng sử dụng đất là vợ chồng ông. Hủy các quyết định cưỡng chế, thông báo kiểm đếm bắt buộc, quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc, danh sách quy chủ, thông báo lấy ý kiến về phương án bồi thường 03 thửa đất số 28, 90, 91 tờ bản đồ số 77 tại

khu Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc do không đúng đối tượng sử dụng đất là vợ chồng ông và không đúng pháp luật. Tuyên bố hành vi ban hành thông báo kiểm đếm bắt buộc, quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc, thông báo lấy ý kiến về phương án bồi thường, quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi liên quan đến việc thu hồi 03 thửa đất số 28, 90, 91 tờ bản đồ số 77 tại khu Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc do quyết định thu hồi không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng pháp luật.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/8/2023, người khởi kiện là ông Dương Quang T có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Quang T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo và nội dung đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đồng thời cho rằng việc ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thông qua việc chuyển nhượng có công chứng hợp pháp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho ông T, bà L1 là không làm mất quyền sử dụng của vợ chồng ông bà, vì họ chuyển nhượng đất là có hợp đồng được công chứng hợp pháp, thời điểm thu hồi đất ông T, bà L1 là người đang sử dụng đất, nên khi thu hồi đất phải thông báo và bồi thường cho ông T, bà L1 theo quy định của pháp luật. Việc cơ quan có thẩm quyền không xem xét phê duyệt phương án bồi thường cho ông T, bà L1 là không đúng quy định, gây thiệt hại cho gia đình ông, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; việc ban hành các quyết định hành chính của người bị kiện là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Dương Quang T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người khởi kiện là ông Dương Quang T đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HCST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là hợp lệ và trong thời hạn nên được xem xét theo quy định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và một số người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 07/01/2022, ông Dương Quang T có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 171/QĐ-STNMT; hủy các quyết định thu hồi, quyết định

cưỡng chế thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, quyết định cưỡng chế, quyết định kiểm đếm bắt buộc, thông báo lấy ý kiến về phương án bồi thường đối với 03 thửa đất số 28, 90, 91 tờ bản đồ số 77 tại khu Đ4, thị trấn Y do không đúng đối tượng sử dụng đất là vợ chồng ông T, bà L1; tuyên bố hành vi ban hành thông báo kiểm đếm bắt buộc, quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc, thông báo lấy ý kiến về phương án bồi thường, quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi 03 thửa đất số 28, 90, 91 tờ bản đồ số 77 tại khu Đ4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc là trái pháp luật; buộc UBND huyện Y phải bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với việc thu hồi 03 thửa đất số 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 tại khu Đ4, thị trấn Y theo quy định của pháp luật; **Buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc bồi thường thiệt hại do việc cấp, thu hồi và hủy GCNQSDĐ đối với 03 thửa đất ông nhận chuyển nhượng là 50.000.000 đồng**; buộc UBND huyện Y phải bồi thường thiệt hại do chậm bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với 03 thửa đất ông nhận chuyển nhượng là 30.000.000 đồng.

Các yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông T thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, các quyết định có liên quan theo quy định tại Điều 3; Điều 7; Điều 193 và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính; Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Đối với nội dung yêu cầu Tòa án công nhận các thửa đất số 28, 90, 91, tờ bản đồ số 77 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông T, bà L1 là không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết, đồng thời đã có giải thích cho người khởi kiện là phù hợp, đúng quy định.

[4] Xét kháng cáo của người bị kiện:

[4.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính:

[4.1.1] Đối với Quyết định số 171/QĐ-STNMT ngày 26/4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ngày 17/12/2018, UBND huyện Y ban hành Thông báo thu hồi đất số 171/TB-UBND để thực hiện công trình Cụm công nghiệp M1, huyện Y. Theo đó, 02 thửa đất lúa của ông Phạm Văn T8 (theo Bản đồ 299 là thửa đất số 117⁽²⁾, 118⁽²⁾, tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ số phát hành B 996380 ngày 26/9/2000) và 01 thửa đất lúa của ông Phan Văn T6 (theo Bản đồ 299 là thửa đất số 114⁽²⁾, tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện V3 cấp GCNQSDĐ số phát hành B 996954 ngày 28/02/1993) nằm trong danh sách các thửa đất bị thu hồi ban hành kèm theo Thông báo số 171/TB-UBND.

Ngày 14/8/2020, ông Phạm Văn T8 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1 02 thửa đất số 117⁽²⁾ diện tích 236m², thửa đất 118⁽²⁾, diện tích 88m² đều là đất lúa, tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ số phát hành B 996380 ngày 26/9/2000.

Ngày 23/10/2020, ông Phan Văn T6 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1 01 thửa đất số 114⁽²⁾, tờ bản đồ số 29 diện tích 504m² là đất lúa, đã được UBND huyện V3 cấp GCNQSDĐ số phát hành B 996954 ngày 28/02/1993.

Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng X6 công chứng và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp GCNQSDĐ số phát hành CX 849708 ngày 16/10/2020 tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 77 (theo Bản đồ 299 là thửa đất số 117⁽²⁾); GCNQSDĐ số phát hành CX 849707 ngày 16/10/2020 tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 77 (theo bản đồ 299 là thửa đất số 118⁽²⁾); GCNQSDĐ số phát hành CY 966759 ngày 09/02/2021 tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 77 (theo Bản đồ 299 là thửa đất số 114⁽²⁾) cho ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1.

Tuy nhiên, sau khi rà soát lại hồ sơ do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y cung cấp, đối chiếu quy định pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện việc cấp GCNQSDĐ cho ông T, bà L1 chưa đảm bảo quy định pháp luật nên Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Thông báo số 69/VPĐKĐĐ-ĐKCGCN ngày 23/3/2021 yêu cầu ông T, bà L1 nộp lại GCNQSDĐ nhưng ông T, bà L1 không nộp.

Ngày 26/4/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 171/QĐ-STNMT về việc thu hồi và hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1, với nội dung sau:

“1. Thu hồi và hủy 03 Giấy chứng nhận số phát hành CX 849708, CX 849707 (Sở TNMT cấp ngày 16/10/2020) và số phát hành CY 966759 (Sở TNMT cấp ngày 09/02/2021) cho ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1. Với lý do:

- Giấy chứng nhận đã cấp không đúng theo quy định tại khoản 6, Điều 19 Nghị số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ do các thửa đất trên nằm trong phạm vi thực hiện dự án Cụm công nghiệp M1 đã được UBND huyện Y Thông báo thu hồi đất số 171/TB-UBND ngày 17/12/2018;

- Người sử dụng đất không thực hiện nộp lại GCNQSDĐ theo Thông báo số 69/VPĐKĐĐ-ĐKCGCN ngày 23/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Giữ nguyên chủ sử dụng đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 29, diện tích 236m² và thửa số 118, diện tích 88m² (nay là thửa số 90, diện tích 211,3m² và thửa số 91, diện tích 106m², tờ bản đồ số 77) đối với ông Phạm Văn T8 (được UBND huyện Y cấp GCN số phát hành B 996380 ngày 26/9/2000) và thửa số 114, tờ bản đồ số 29, diện tích 504m² (nay là thửa số 28, diện tích 506,1m², tờ bản đồ số 77) đối với hộ ông Phan Văn T6 (được UBND huyện Y đã cấp GCN số phát hành B 996954 ngày 26/9/2000.

- Việc ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1 ký hợp đồng thỏa thuận nhận chuyển nhượng QSDĐ với gia đình ông Phạm Văn T8 và ông Phan Văn T6 ngày 14/8/2020 và ngày 23/10/2020 tại Văn phòng công chứng X6 (khu X1, thị trấn Y, huyện Y) là giao dịch dân sự (sau thời điểm Nhà nước có thông báo thu hồi đất là không hợp lệ) hai bên chủ động thương lượng thỏa thuận hoàn trả với nhau. Trường hợp không thỏa thuận được, các bên có thể khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Y để giải quyết.

3. Giao VPĐKĐĐ chi nhánh Y chủ trì phối hợp với UBND thị trấn Y tổ chức thông báo công khai và bàn giao trực tiếp quyết định này cho ông Dương Quang T và bà

Ngô Thị L1; ông Phạm Văn T8, ông Phan Văn T6 , UBND thị trấn Y; các tổ chức có liên quan để chấp hành.

- Yêu cầu ông Dương Quang T và bà Ngô Thị L1 nộp lại 03 GCN số phát hành CX 849707, CX 849708 (Sở TNMT cấp ngày 16/10/2020) và số phát hành CY 966759 (Sở TNMT cấp ngày 09/02/2021) cho VPĐKĐĐ chi nhánh Y để xử lý theo quy định của pháp luật và chủ động liên hệ với ông Phan Văn T6 và Phạm Văn T8 để thỏa thuận thanh lý hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đã ký ngày 14/8/2020 và ngày 23/10/2020 tại Văn phòng công chứng X6 (khu X1, thị trấn Y, huyện Y).

- Đối với ông Phan Văn T6 và ông Phạm Văn T8 có trách nhiệm nộp lại GCN đã cấp ngày 26/9/2000 cho VPĐKĐĐ - chi nhánh Y để thực hiện điều chỉnh nội dung đã xác nhận trên trang 04 GCN theo quy định và chấp hành Thông báo thu hồi đất số 171/TB-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện Y.

- Giao VPĐKĐĐ - chi nhánh Y thực hiện điều chỉnh nội dung đã xác nhận trên trang 04 GCN của hộ gia đình ông Phan Văn T6 và ông Phạm Văn T8; thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; lập danh sách giấy chứng nhận đã bị hủy gửi Sở TNMT, Tổng cục quản lý đất đai để thông báo công khai trên trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.”

Tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) quy định trường hợp không cấp GCNQSDĐ: “Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Như vậy, thời điểm ông T, bà L1 nhận chuyển nhượng của ông T8 và ông T6 là đã có thông báo thu hồi của UBND huyện Y đối với các thửa đất nêu trên. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc **căn cứ** điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định về các trường hợp phải thu hồi GCNQSDĐ; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ; khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc **ban hành** Quyết định số 171/QĐ-STNMT ngày 26/4/2021 về việc thu hồi và hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1 tại thị trấn Y, huyện Y là có căn cứ đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[4.1.2] Đối với các quyết định thu hồi, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, quyết định cưỡng chế, thông báo kiểm đếm bắt buộc, quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc... của UBND huyện Y, Chủ tịch UBND huyện Y và các yêu cầu bồi thường, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng việc ban hành các quyết định hành chính đó là trái pháp luật và yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định, nhưng ông T không nêu rõ khởi kiện đối với quyết định số, ngày tháng năm của cá nhân, cơ quan ban hành quyết định nào. Do vậy, khi xem xét yêu cầu khởi kiện của ông T, Tòa án cần xem xét toàn bộ các quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi đất và việc thu hồi đất theo quy định pháp luật, như sau:

Dự án Cụm công nghiệp làng nghề M1 thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; được Thường trực tỉnh ủy Vĩnh Phúc đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng tại Thông báo số 227-TB/TU ngày 06/4/2016 và UBND tỉnh Vĩnh Phúc đồng ý chủ trương điều chỉnh quy hoạch Cụm công nghiệp M1 tại Văn bản số 5934/UBND-CN3 ngày 30/8/2016; được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thông qua tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2017 về việc chấp nhận thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình năm 2018 trên địa bàn tỉnh; được Thủ tướng chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại Văn bản số 1567/TTg-NN ngày 09/11/2018 và đã có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2019, 2020, 2021 của huyện Y.

Công ty E được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp M1 theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 với quy mô 34ha.

Ngày 05/5/2017, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UBND về việc chấp thuận phạm vi nghiên cứu, khảo sát, lập QHCT tỉ lệ 1/500 và phê duyệt nhiệm vụ dự toán kinh phí khảo sát, điều chỉnh QHCT tỉ lệ 1/500 Cụm công nghiệp M1, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 07/11/2017, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 3108/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh QHCT tỉ lệ 1/500 Cụm công nghiệp M1, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (viết tắt là Quyết định số 3180/QĐ-UBND).

Ngày 30/11/2017, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 3378/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 3108/QĐ-UBND và phê duyệt điều chỉnh QHCT tỉ lệ 1/500 Cụm công nghiệp M1, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc do có nội dung không chính xác.

Ngày 22/10/2018, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất.

Ngày 17/12/2018, UBND huyện Y ban hành Thông báo số 171/TB-UBND thu hồi đất để thực hiện công trình Cụm công nghiệp M1 địa điểm tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc dự kiến thu hồi 140.743,8m², trong đó có các thửa đất số 28, 90, 91 tờ bản đồ số 77 tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc của hộ ông T6 và ông T8.

Sau khi ban hành thông báo thu hồi đất UBND huyện Y đã giao cho Ban bồi thường giải phóng mặt bằng và phát triển quỹ đất đối với UBND thị trấn Y, tổ chức niêm yết công khai Thông báo số 171/TB-UBND tại trụ sở UBND thị trấn Y và Nhà Văn hóa các khu R2, R3, R4 V4, thị trấn Y. Tổ chức hội nghị tuyên truyền, vận động hộ gia đình có đất trong phạm vi của dự án phối hợp kiểm kê để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án Cụm công nghiệp M1 vào các ngày 07/4/2020 và ngày 22/9/2020, trong đó có hộ ông T6 và ông T8.

Ngày 12/4/2021, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1152/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 1522/QĐ-UBND) về việc kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Phan Văn T6.

Ngày 13/4/2021, Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND thị trấn Y giao quyết định cho ông T6 và nhiều lần tuyên truyền vận động hộ gia đình ông T6 thực hiện kiểm kê, kiểm đếm nhưng ông T6 không thực hiện.

Ngày 11/6/2021, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 2869/QĐ-UBND (viết tắt

là Quyết định số 2869/QĐ-UBND) về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Phan Văn T6.

Ngày 14/6/2021, Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND thị trấn Y giao quyết định cho ông T6 nhưng ông T6 không nhận với lý do ông đã chuyển nhượng và đã tiến hành niêm yết tại trụ sở UBND thị trấn Y, Nhà Văn hóa và tại điểm sinh hoạt chung các khu R2, R4 V4.

Ngày 18/6/2021, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện Y ban hành Kế hoạch số 148/KH-HĐBT về cưỡng chế thực hiện quyết định bắt buộc đối với 12 hộ gia đình chưa phối hợp kiểm kê, kiểm đếm đất đai, cây cối, tài sản trên đất thuộc phạm vi xây dựng dự án Cụm công nghiệp làng nghề M1 trong đó có hộ gia đình ông Phan Văn T6.

Ngày 12/8/2021, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 3954/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 3954/QĐ-UBND) về việc thu hồi đất đợt 4 để thực hiện công trình Cụm công nghiệp làng nghề M1, trong đó, hộ ông T6 bị thu hồi thửa đất số 29, diện tích 534,4m² tại Đ4.

Ngày 12/8/2021, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 3955/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 3955/QĐ-UBND) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đợt 4 để thực hiện dự án, trong đó có hộ ông Phan Văn T6 được bồi thường, hỗ trợ 108.732.000 đồng.

Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đã được niêm yết công khai tại UBND thị trấn Y và nhà văn hóa thôn Trung 20 ngày, nhưng không có hộ dân nào có thắc mắc về bồi thường hỗ trợ tái định cư. Ông T6 được giao quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ nhưng ông T6 không nhận. Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND thị trấn Y chỉ trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi vào các ngày 25/8/2021, 27/8/2021 và ngày 31/8/2021, nhưng ông T6 không nhận thông báo và không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ với lý do: Gia đình ông đã chuyển nhượng cho người khác.

Ngày 21/9/2021, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 4590/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 4590/QĐ-UBND) về việc cưỡng chế thu hồi đối với hộ ông Phan Văn T6.

Ngày 30/9/2021, Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức vận động đối thoại với hộ ông Phan Văn T6. Ngày 04/10/2021, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất huyện Y đã ban hành Thông báo số 332/TB-BTHCCTHĐ về thời gian thực hiện phương án cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 07/10/2021, UBND huyện tổ chức cưỡng chế quyết định thu hồi đất dự án Cụm công nghiệp làng nghề M1 đối với hộ ông Phan Văn T6.

Đối với thửa 10.33 (bản đồ thu hồi), diện tích 236m² tương ứng với thửa đất số 90, tờ bản đồ 77 (Bản đồ VN 2000); thửa đất 10.36 (bản đồ thu hồi), diện tích 88m² tương ứng với thửa đất số 91, tờ bản đồ 77 (Bản đồ VN 2000) quy chủ sử dụng đất ông Phạm Văn T8, khu 3 Trung, thị trấn Y.

Sau nhiều lần Ban bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND thị trấn Y tuyên truyền, vận động hộ gia đình phối hợp kiểm kê, kiểm đếm thực hiện giải phóng mặt bằng nhưng ông T8 không thực hiện.

Ngày 23/02/2022, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 582/QĐ-UBND (viết tắt

là Quyết định số 582/QĐ-UBND) về việc kiểm đếm bắt buộc đối với ông Phạm Văn T8 và giao quyết định cho ông T8 nhưng ông T8 không nhận với lý do không nhất trí thu hồi đất. Ban bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND thị trấn Y đã niêm yết quyết định tại UBND thị trấn Y và Nhà Văn hóa các tổ dân phố R2, R3, R4 và tuyên truyền, vận động ông T8 thực hiện việc kiểm đếm nhưng ông T8 không chấp hành với lý do không đồng ý thu hồi đất nên không ký biên bản làm việc.

Ngày 25/3/2022, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 902/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 902/QĐ-UBND) về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Phạm Văn T8. Quyết định được niêm yết công khai và giao cho ông T8 nhưng ông T8 không nhận.

Ngày 20/4/2022, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y ban hành Kế hoạch số 350/KH-HĐBT về cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với 5 hộ gia đình chưa phối hợp kiểm kê kiểm đếm đất đai, cây cối, tài sản trên đất thuộc phạm vi xây dựng dự án trong đó có hộ ông Phạm Văn T8.

Ngày 10/6/2022, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1817/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 1817/QĐ-UBND) về việc thu hồi đất (đợt 8) để thực hiện công trình Cụm công nghiệp làng nghề M1, địa điểm thị trấn Y.

Ngày 10/6/2022, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1818/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 1818/QĐ-UBND) về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư (đợt 8) công trình Cụm công nghiệp làng nghề M1, địa điểm thị trấn Y, trong đó có hộ ông Phạm Văn T8 được bồi thường, hỗ trợ đối với thửa 10.33 (bản đồ thu hồi), diện tích 236m² tương ứng với thửa đất số 90, tờ bản đồ 77 (Bản đồ VN 2000) với số tiền 64.428.000 đồng; thửa đất số 10.36 (bản đồ thu hồi), diện tích 88m² tương ứng với thửa đất số 91, tờ bản đồ 77 (Bản đồ VN 2000) với số tiền 24.024.000 đồng.

Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đã được niêm yết công khai tại UBND thị trấn Y và tại Nhà Văn hóa thôn R 20 ngày, trong thời gian niêm yết, không có hộ dân nào thắc mắc về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ông Thắng được giao các quyết định nhưng ông T8 không nhận.

Sau nhiều lần tuyên truyền vận động nhưng hộ ông T8 không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, không bàn giao mặt bằng.

Ngày 17/7/2022, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 2255/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 2255/QĐ-UBND) về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn T8.

Như vậy, việc UBND huyện Y thực hiện thu hồi đất đối với hộ ông Phan Văn T6 và ông Phạm Văn T8 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, Điều 69, Điều 74 Luật Đất đai 2013; Điều 28, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Điều 24 Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về thẩm quyền thông báo thu hồi đất và ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố ra quyết định thu hồi đất; Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc điều chỉnh nội dung khoản 1, Điều 1 Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất.

Việc bồi thường, hỗ trợ đảm bảo đúng quy định tại Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ & tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của bản quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kèm theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và Quyết định số 62/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành quy định các loại giá đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2019 – 2024; Quyết định số 61/2021/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ & tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Việc Chủ tịch UBND huyện Y ban hành các quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế thu hồi đất đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 67; các điểm b, d, khoản 3, Điều 69 và Điều 71 Luật Đất đai 2013; các Điều 7, 8 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành quy định về việc thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan trong công tác kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Do ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất số 28, 90, 91 của hộ ông T6 và ông T8 là những thửa đất nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã có thông báo thu hồi đất, nên việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc thu hồi và hủy GCNQSDĐ cấp cho ông Dương Quang T, bà Ngô Thị L1 là đúng quy định như đã nhận định ở trên. Do đó, tại thời điểm thu hồi đất 03 thửa đất ông T nhận chuyển nhượng của ông T8, ông T6 thì ông T chưa được cấp GCNQSDĐ (đã bị thu hồi hủy bỏ) và không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho ông T. Như vậy, căn cứ quy định tại Điều 74 Luật Đất đai, xét thấy UBND huyện Y thực hiện toàn bộ quy trình, thủ tục thu hồi đất, quy chủ, kiểm đếm tài sản thu hồi, lập phương án bồi thường hỗ trợ, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và thực hiện việc bồi thường hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Phan Văn T6 và ông Phạm Văn T8 để thực hiện dự án là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

Đối với việc ban hành Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND huyện Y (viết tắt là Quyết định số 1152/QĐ-UBND) về việc kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Phan Văn T6 là tại thời điểm giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đang đứng tên ông T, bà L1 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc chưa ban hành Quyết định số 171/QĐ-STNMT về việc thu hồi và hủy bỏ GCNQSDĐ đã cấp cho ông T, bà L1. Tuy nhiên, việc UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1152/QĐ-UBND không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người có đất bị thu hồi nên không cần thiết phải hủy quyết định hành chính này.

Những nhận định trên đây của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

[4.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại:

Sau khi ban hành Quyết định số 171/QĐ-STNMT ngày 13/5/2021, Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc đã có Văn bản số 1302/STNMT-VPĐKĐĐ về việc hoàn thuế, phí, lệ phí đối với thủ tục đăng ký biến động đất đai. Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y thực hiện hoàn trả lại cho ông T, bà L1 các khoản phí, lệ phí cấp GCNQSDĐ theo quy định, đồng thời có Văn bản số 504/VPĐKĐĐCNYL ngày 11/06/2021 gửi Chi cục thuế khu vực V1 hướng dẫn, hoàn thuế cho ông T, bà L1. Cơ quan thuế đã 02 lần mời ông T, bà L1 đến làm việc để hướng dẫn và lập hồ sơ hoàn thuế theo quy định (Văn bản mời số 403/CCTKV-NVT ngày 18/06/2021, Văn bản mời số 563/CCTKV-NVT ngày 21/07/2021), nhưng ông T và bà L1 không phối hợp đến làm việc. Ông T, bà L1 sau khi nhận chuyển nhượng không phát sinh giao dịch tiếp tục đối với các thửa đất nêu trên, không làm phát sinh bất cứ thiệt hại hoặc xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp thực tế của ông T bà L1 và yêu cầu hủy Quyết định số 171/QĐ-STNMT không có căn cứ chấp nhận như đã nhận định, nên yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính không có căn cứ để xem xét.

Đối với yêu cầu UBND huyện Y bồi thường thiệt hại khoản tiền lãi do UBND huyện Y xác định đối tượng được bồi thường không đúng nên ông không được nhận tiền bồi thường thì cũng như đã nhận định thể hiện UBND huyện Y thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, quy chủ, kiểm đếm tài sản thu hồi, lập phương án bồi thường hỗ trợ, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và thực hiện việc bồi thường hỗ trợ, tái định cư đối với người có đất bị thu hồi để thực hiện dự án là đúng quy định pháp luật nên yêu cầu của người khởi kiện không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, yêu cầu bồi thường thiệt hại quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra không có căn cứ pháp luật để xem xét.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn nhận định việc chuyển quyền sử dụng đất giữa các bên là sự tự nguyện thỏa thuận, nhưng thời điểm các bên thỏa thuận chuyển nhượng là đã có thông báo thu hồi đất, nên không đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định. Tuy nhiên, trong vụ án này các bên tham gia ký kết hợp đồng không ai yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên quyền lợi của các bên do các bên tự thỏa thuận, nếu không tự thỏa thuận được thì ông T, bà L1 có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật. Nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp, đúng quy định của pháp luật và đã bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của ông Dương Quang T là không có cơ sở để chấp nhận, nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí: Ông Dương Quang T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Quang T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HCST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Ông Dương Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ông Dương Quang T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006850 ngày 28/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hồng Sơn Trần Quang Minh

Hồ Sỹ Hưng

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự trong vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

Hồ Sỹ Hưng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng